TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ T** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2018/HSST
Ngày: 23-5-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quốc Quân;
2. Bà Huỳnh Thị Lượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Lài - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh B.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 39/2018/HSST ngày 27 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2018/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

- Họ và tên: Nguyễn Văn D; giới tính: Nam; năm sinh 1991; tại: BĐ; nơi đăng ký HKTT: Thôn X, xã M, huyện P, tỉnh B; chỗ ở: Khu phố B, phường B, thị xã T, tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo:Không; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 9/12; con ông Nguyễn Hữu H, sinh năm: 1953 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1957; bị cáo có vợ tên: Trương Thị Linh S, sinh năm 1993 và có 01 người con, sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 20-7-2015, bị Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh B xử phạt 5.000.000đ (Năm triệu đồng) về tội "Đánh bạc", bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 29-6-2016. (BL 168, 169 – 171, 172-173)

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt.

- *Bị hại*: Trung tâm mạng lưới M - Chi nhánh Tổng Công ty viễn thông M do ông Huỳnh Xuân D làm người đại diện theo pháp luật (theo Quyết định về việc bổ nhiệm cán bộ số 388/QĐ-MOBIFONE-TCCB) ngày 07-02-2017;

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1982; địa chỉ: 801/15 Lạc Long Quân, phường 10, quận T, Thành phố H là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền số 1697/UQ-TTMLMN) ngày 13-10-2017); có mặt.

- *Người làm chứng*:

1. Ông Trần Phạm Phú T, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 23/E3, khu dân cư Phú T, phường P, thành phố T, tỉnh B; vắng mặt.

2. Ông Đỗ Văn H, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn I, xã I, huyện C, tỉnh G; tạm trú: Phường B, quận T, Thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn D là tài xế lái xe của Công ty Cổ phần Poh Huat VN. Công ty giao D lái xe ô tô nhãn hiệu Innova biển số 61LD - 002.03.

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 21-10-2017, D điều khiển xe ô tô biển số 61LD - 002.03 chở ông L là chuyên gia của Công ty đi từ Dĩ An đến công tác tại tòa nhà B thuộc phường P, thành phố T, tỉnh B. Khi đến nơi thì ông L nói với D điều khiển xe về lại Công ty và không cần phải quay lại rước. Do trước đây, D có thời gian làm việc tại các trạm phát sóng di động BDTU00 của Trung tâm mạng lưới M và thấy trong các trạm này có nhiều bình ắc quy nhưng không có người trông coi nên D nảy sinh ý định trộm cắp những bình ắc quy này để mang đi bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Thực hiện ý định, D không điều khiển xe ô tô biển số 61LD - 002.03 về lại Công ty ở Dĩ An ngay mà điều khiển xe ô tô đi đến xã B, thị xã T, tỉnh B để tìm trạm phát sóng di động BDTU00 để vào bên trong trộm cắp bình ắc quy. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, D điều khiển xe ô tô biển số 61LD - 002.03 đến trước cổng trạm phát sóng di động BDTU00 tại ấp Điều Hòa, xã B, thị xã T, tỉnh B. Sau đó, D mở hộp đựng đồ dụng cụ có sẵn trên xe để lấy băng keo, kiềm, mỏ lết rồi đi đến dùng kiềm, mỏ lết bẻ ổ khóa cổng trạm rồi đi vào phía bên trong trạm rồi tiếp tục dùng kiềm, mỏ lết bẻ khóa cửa phòng trạm phát sóng di động BDTU00 và đi vào bên trong dùng kiềm tháo 04 bình ắc quy hiệu Vision CT12 - 180X, 12V 180AHra khỏi mạch nguồn rồi mang 02 bình ắc quy ra khỏi tủ nguồn thiết bị và để trên nền nhà. Sau đó, D mang 01 bình ắc quy hiệu Vision CT12 - 180X, 12V 180AH ra khỏi phòng để mang lên xe ô tô biển số 61LD - 002.03. Khi mang bình ắc quy đi ra khỏi phòng được khoảng 8,6 mét thì D nhìn thấy ông Trần Phạm Phú Tân là nhân viên của trung tâm mạng lưới M đến khắc phục sự cố tại trạm phát sóng này. Do sợ bị phát hiện nên D đã bỏ lại bình ắc quy lại và leo qua hàng rào của trạm phát sóng trốn ra bên ngoài. Lúc này, ông T vào bên trong trạm phát sóng kiểm tra thì phát hiện 04 bình ắc quy hiệu Vision CT12 - 180X, 12V 180AH của trạm bị tháo khỏi

mạch nguồn (trong đó có 01 bình ắc quy nằm trên nền nhà cách tủ nguồn thiết bị khoảng 01 mét và 01 bình ắc quy nằm ở khu vực bãi cỏ bên ngoài trạm phát sóng cách tủ nguồn thiết bị khoảng 10 mét). Sau khi trốn ra ngoài, D đi lại vị trí xe ô tô biển số 61LD - 002.03 để lên xe chạy thoát thì bị ông Tân phát hiện và giữ lại. Lúc này, ông Tân hỏi D có phải là người tháo rời các bình ắc quy này để lấy trộm không thì D không khai nhận nên ông Tân dùng điện thoại chụp lại hình ảnh của D và xe ô tô biển số 61LD – 002.03. Sau đó, D điều khiển xe ô tô biển số 61LD - 002.03 về lại công ty tại Dĩ An, trên đường đi D đã vứt băng keo, kiềm, mỏ lết nhưng không nhớ vị trí cụ thể. Sau đó, anh Tân đến Công an xã B trình báo sự việc bị mất trộm tại trạm phát sóng di động BDTU00 và cung cấp hình ảnh chụp lại được, Công an xã B đã tiến hành thu giữ: 04 (Bốn) bình ắc quy nhãn hiệu Vision CT12 - 180X, 12V 180AH; đồng thời lập hồ sơ ban đầu chuyển cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T, tỉnh B thụ lý theo thẩm quyền.

Trên cơ sở hình ảnh và biển số xe ô tô do ông Tân cung cấp, Công an xã B phối hợp cùng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T tiến hành xác minh. Ngày 24-10-2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Tân Uyên mời D đến làm việc và D đã khai nhận hành vi chiếm đoạt tài sản của mình (BL 48 - 50, 53, 54).

Tại bản Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 176/KLTS-TTHS ngày 27/11/2017của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thị xã T kết luận: 04 (Bốn) bình ắc quy nhãn hiệu Vision CT12-180X, 12V 180AH, đã qua sử dụng, tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị 10.800.000đ (Mười triệu tám trăm nghìn đồng). 04 (Bốn) bình ắc quy hiệu Vision CT12-180X, 12V 180AH là tài sản của Trung tâm mạng lưới M (Chi nhánh Tổng công ty Viễn thông M), ngày 19-12-2017 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 10 trả lại 04 (Bốn) bình ắc quy quy này cho ông Nguyễn Ngọc Q là người đại diện theo ủy quyền của Giám đốc Trung tâm mạng lưới M (Chi nhánh Tổng công ty Viễn thông M), ông Q không có yêu cầu bồi thường gì khác. (BL 135, 136, 159, 174).

Xe ô tô biển số 61LD – 002.03 là tài sản của công ty cổ phần Poh Huat Việt Nam. Ngày 21-10-2017, bị cáo Nguyễn Văn D sử dụng xe ô tô này để đi chiếm đoạt tài sản thì công ty không biết, do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Tân Uyên đã không tiến hành thu giữ xe ô tô này.

Cuộn băng keo, kiềm, mỏ lết mà D đã sử dụng để mẻ khóa cửa hàng rào, khóa cửa phòng trạm phát sóng di động BDTU00 và tháo 04 bình ắc quy hiệu Vision CT12 – 180X, 12V 180AH ra khỏi mạch nguồn, D đã vứt bỏ trên đường điều khiển xe ô tô biển số 61LD – 002.03 về thị xã D. D không nhớ cụ thể vứt ở vị trí nào, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành thu hồi vật chứng nhưng không có kết quả (BL 20).

Tại phiên tòa: Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi bị cáo đã thực hiện theo truy tố của Viện Kiểm sát nhận dân thị xã T. Bị hại đã trình bày xác nhận tài sản bị cáo chiếm đoạt đúng theo cáo trạng của Viện Kiểm sát. Bị hại đã nhận lại tài sản và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại Cáo trạng số: 39/CT-VKS.TU ngày 24 tháng 4 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T truy tố bị cáo Nguyễn Văn D về tội "Trộm cắp tài sản" theo Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản"; áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm s,h Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu giải quyết về trách nhiệm dân sự nên không đề nghị giải quyết.

- Về xử lý vật chứng: Đã được giải quyết xong.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có điều kiện chăm sóc vợ và con nhỏ.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ XÉT THẤY:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trên địa bàn thị xã T, tỉnh B. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn D là đúng thẩm quyền.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã T, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về tình tiết định tội, định khung hình phạt: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở kết luận: Ngày 21-10-2017, tại ấp Đ, xã B, thị xã T, tỉnh B, Nguyễn Văn D đã lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt 04 (Bốn) bình ắc quy nhãn hiệu Vision CT12 – 180X, 12V 180AH tại trạm phát sóng di động BDTU00 của Trung tâm mạng lưới M (Chi nhánh Tổng công ty Viễn thông M) có giá trị là 10.800.000đ (Mười triệu tám trăm nghìn đồng). Hành vi của bị cáo

đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo không phạm vào tình tiết định khung tăng nặng hình phạt. Cáo trạng đã truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên cũng như kết luận của đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phạm vào các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm s, h Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về nhân thân: Ngày 20-7-2015, bị Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh B xử phạt 5.000.000đ (Năm triệu đồng) về tội "Đánh bạc". Bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 29-6-2016 (theo quy định tại Điều 70 Bộ luật hình sự, thời gian xóa án tích đối với bị cáo là 01 năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt và không thực hiện hanh vi phạm tội mới). Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn (vợ bị bệnh sau khi sinh con).

[6] Căn cứ quyết định hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trái phép đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mà còn gây mất trật tự, nơi xảy ra vụ án. Đối chiếu các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự; nhân thân của bị cáo với hành vi, tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, xét thấy mức án đại diện Viện Kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là quá nghiêm khắc nên Hội đồng xét xử thấy cần quyết định hình phạt nhẹ hơn đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát để bị cáo an tâm cải tạo trở thành công dân tốt.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt đã trả lại cho bị hại và bị hại không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng: Tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T trả lại cho bị hại.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1. Về hình phạt: Áp dụng Khoản 1, Điều 173; Điểm s, h Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn D 07 (Bảy) tháng tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 98, 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 21, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Văn D nộp 200.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T.

Bị cáo và người đại diện hợp pháp bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- PV27, Công an tỉnh B;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- VKSND thị xã T;
- Công an thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Hồng Thêm